

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sĩ Trinh và Bà Nguyễn Thị Loan

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Ông Quản Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

**Nguyễn Xuân H** (tên gọi khác: T), sinh năm 1990 tại Bình Phước; nơi cư trú thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1968 và bà Mai Thị L, sinh năm 1968, bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án 01: Ngày 06/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (Tại Bản án số 22/2016/HSST ngày 06/4/2016), tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 22/01/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Tại Bản án số 04/2013/HSST ngày 22/01/2013).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2019 cho đến nay “có mặt”.

*Người bị hại:*

Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; tạm trú tại khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đào Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú số 889 P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 12/4/2019, Nguyễn Xuân H đến tiệm cầm đồ “Tuấn P” trú tại khu phố 4, phường T, thành phố Đ (do em rể Hùng là Đỗ Văn T làm chủ) để thăm em gái Nguyễn Thị P. Khoảng 13 giờ 30 cùng ngày do không có tiền mua ma túy sử dụng và cần tiền tiêu xài cá nhân nên khi thấy anh T đang ngủ và chị P sơ hở H đã lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng (đã bị hư hỏng) đang để trên tủ trưng bày điện thoại của tiệm cất giấu trong túi quần. Sau khi lấy được điện thoại thì H đi về xã P, huyện P để chơi. Khoảng 11 giờ ngày 13/4/2019 H quay lại thành phố Đ và đến tiệm cầm đồ “M” do anh Đào Văn T làm chủ cầm chiếc điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A cho anh T với số tiền 800.000 đồng để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất trộm điện thoại anh T kiểm tra hệ thống Camera thì xác định H là người lấy trộm 02 chiếc điện thoại nên đã đến Công an phường T trình báo sự việc. Cùng ngày H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ để đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 70/KLĐG ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Đ định giá 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A còn hoạt động bình thường trị giá: 1.400.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng (đã bị hư hỏng, không còn hoạt động) trị giá 100.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đã bị hư hỏng, không còn hoạt động và 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A.

Ngày 07/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng đã bị hư hỏng, không còn hoạt động cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn T.

Tại Bản cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo H tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 01/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản người phạm tội ra đầu thú, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 12/4/2019, lợi dụng việc em rể là Đỗ Văn T và em gái là Nguyễn Thị P sơ hở trong việc quản lý tài sản nên Nguyễn Xuân H đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng (đã bị hư hỏng) để trên tủ trưng bày điện thoại cất giấu, đến khoảng 11 giờ ngày 13/4/2019 H đem số tài sản trên cầm cố cho anh Đào Văn T để lấy số tiền 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 70/KLĐG ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố Đ định giá 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI loại HONOR 7A còn hoạt động bình thường trị giá: 1.400.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng (đã bị hư hỏng, không còn hoạt động) trị giá 100.000 đồng.

Mặc dù số tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 1.500.000 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tuy nhiên bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội, do đó lần phạm tội này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo về tội trộm

cấp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại cũng là em bị cáo, là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại, người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Đỗ Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H (tên gọi khác: T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

### **2. Về hình phạt:**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/4/2019.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### **4. Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*đã ký*

**Lê Văn An**